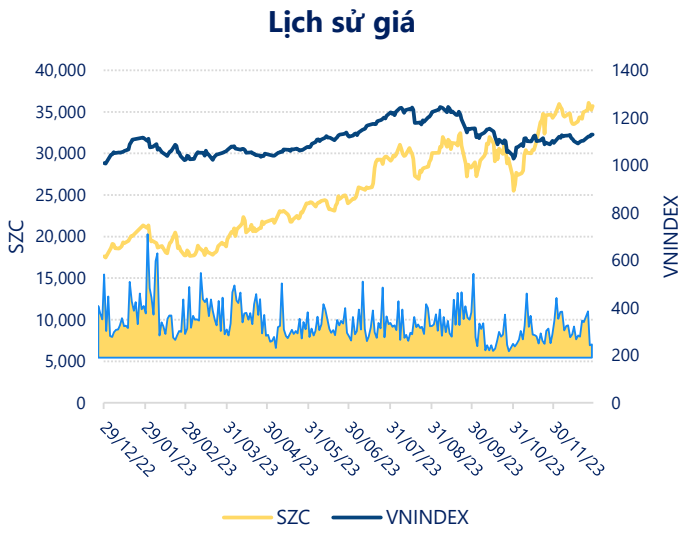
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	44,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.0%	**56.6%**	**76.7%**



2023

DT thuần

818 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 41.0
▼ 4.8%

2023

LN gộp

350 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 40.0
▲ 13.1%

2023

LN thuần

266 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 23.0
▲ 9.8%

2023

LN sau thuế

219 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 22.0
▲ 10.9%

2023

ROE

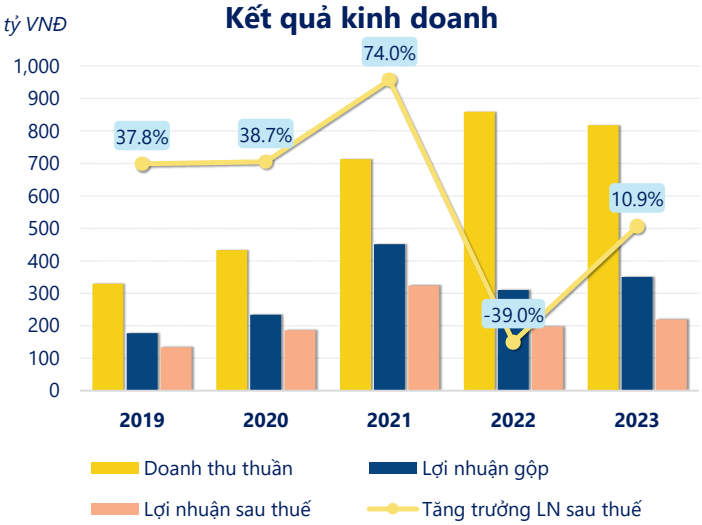
13.4%

+/- YoY
▲ 0.2%

2023

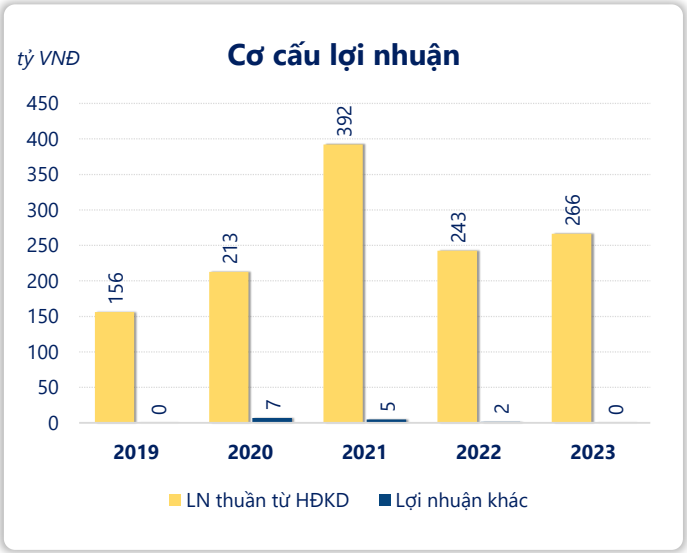
ROA

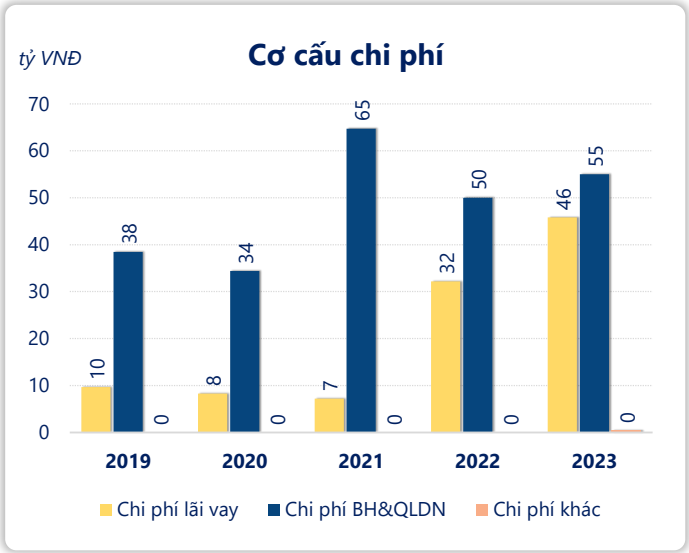
3.3%



Kết quả kinh doanh **SZC** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **817.9** tỷ đồng **giảm 4.77%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 10.9%** đạt **218.9** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **13.4%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

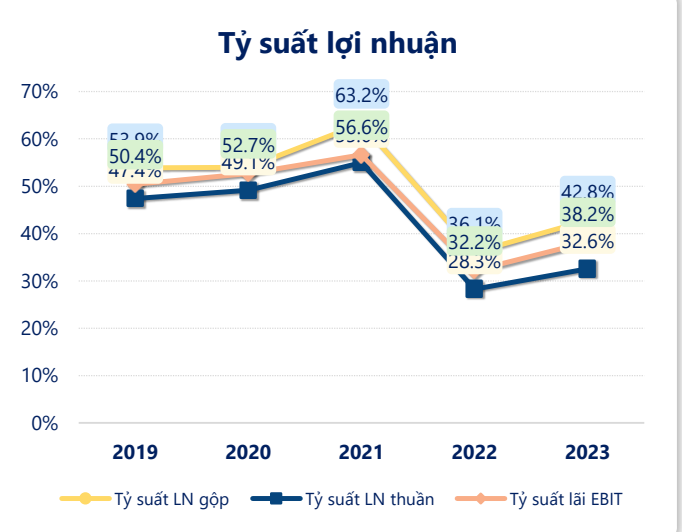


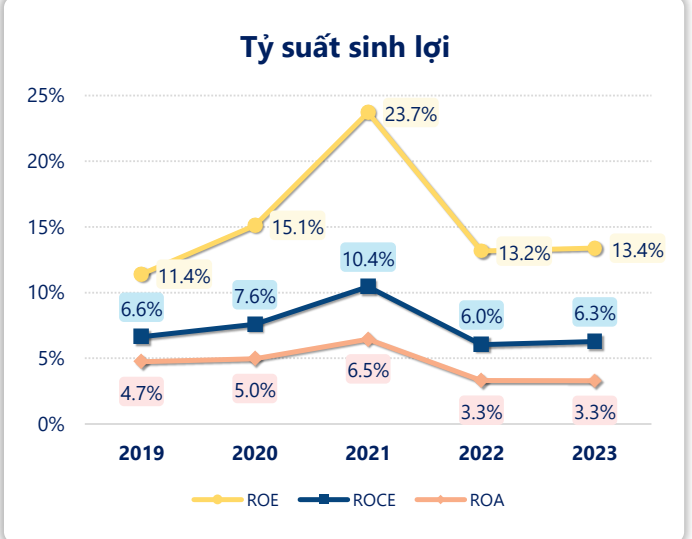


Năm **2023**, **SZC** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **266.4** tỷ đồng, **tăng lên 23.75** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (254.0 tỷ đồng) là 12.40 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

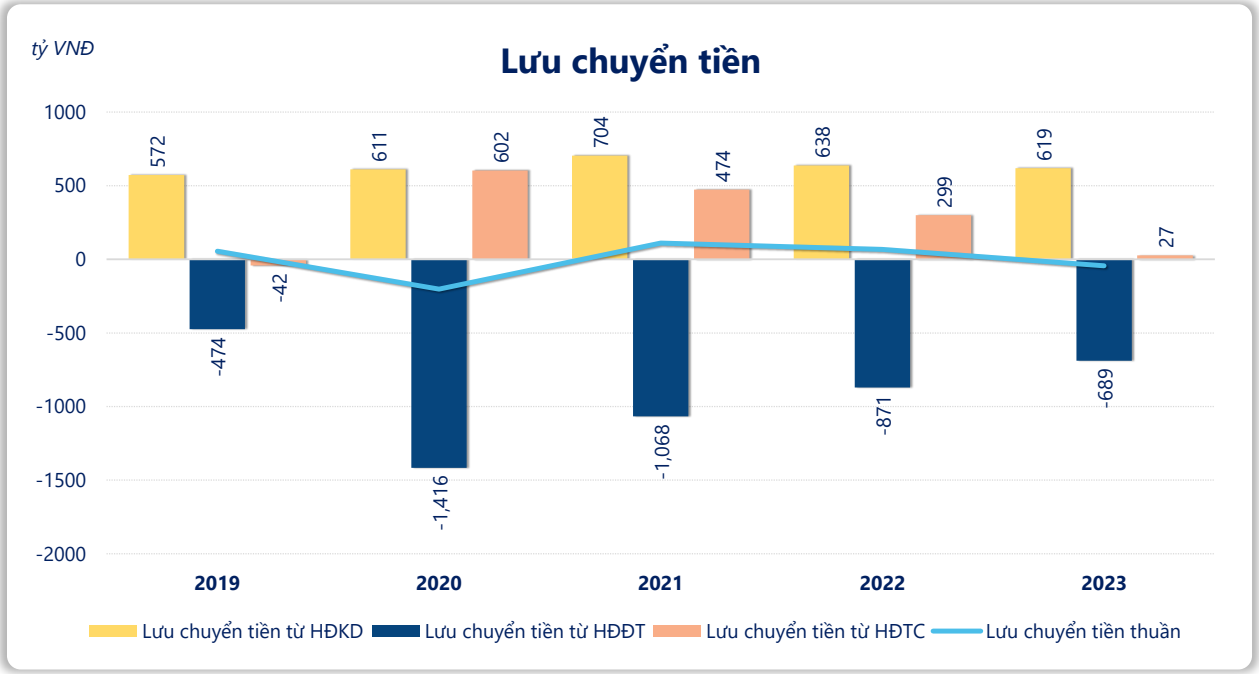
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **45.85** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **55.00** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.48** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SZC năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **13.4%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**329**	**433**	**713**	**859**	**818**
Giá vốn hàng bán	152	199	262	549	468
Lợi nhuận gộp	**177**	**234**	**451**	**310**	**350**
Doanh thu HĐTC	26.7	21.8	13.0	15.2	17.1
Chi phí TC	9.70	8.35	7.22	32.2	46.0
Chi phí lãi vay	**9.69**	**8.31**	**7.20**	**32.2**	**45.8**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.11	3.75	11.0	9.96	8.55
Chi phí QLDN	31.4	30.6	53.7	40.1	46.5
LN thuần từ HĐKD	**156**	**213**	**392**	**243**	**266**
Lợi nhuận khác	0.29	7.01	4.61	1.54	0.49
LN trước thuế	**156**	**220**	**397**	**244**	**267**
Lợi nhuận sau thuế	**134**	**186**	**324**	**197**	**219**
LNST của CĐ cty mẹ	**134**	**186**	**324**	**197**	**219**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của SZC bằng **-43.25** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (66.21 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **619.4** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-689.4** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **26.74** tỷ đồng.